

TRƯỜNG MẦM NON AN SINH A
NHÓM TRẺ 2TD4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đông triều, ngày 01 tháng 09 năm 2024

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ
NHÓM TRẺ 12-24 THÁNG
NĂM HỌC 2024 – 2025

Tên lớp: Nhóm Trẻ 2TD4

Số lượng trẻ trong lớp: 2

Số giáo viên: 1 GV; Tên giáo viên: Phạm Thị Quyên

Căn cứ chương trình giáo dục số 193 /CTGD-MNASAcủa trường mầm non An Sinh A năm học 2024-2025;

Căn cứ vào tình hình đặc điểm của địa phương;

Căn cứ kết quả đánh giá kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục năm học 2023-2024;

Căn cứ khả năng, nhu cầu của trẻ, khả năng của giáo viên, điều kiện thực tế của nhà trường, của lớp học;

Lớp nhà trẻ 2TD4 xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2024 - 2025 cụ thể như sau:

1. MỤC TIÊU NỘI DUNG CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
1.1. Tổ chức ăn	
MT1: Ăn đủ bữa ăn: Hai bữa chính và một bữa phụ, đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định. - Trẻ em được chăm sóc nuôi dưỡng ăn uống đầy	- Trẻ được ăn theo Chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi tại trường. - Nhu cầu năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 60 – 70% nhu cầu cả ngày: 600 - 651 Kcal .

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
đủ các chất hợp vệ sinh, đảm bảo an toàn thực phẩm.	+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu: Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần. Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
1.2. Tổ chức ngủ	
MT2: Trẻ được Ngủ trưa đúng giờ, đủ giấc và an toàn.	- Ngủ trưa đúng, đủ giờ (150 phút: từ 11h30 – 13h45).
1.3. Vệ sinh	
MT3: Trẻ biết vệ sinh cá nhân: rửa tay, rửa mặt, đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Vệ sinh cá nhân đúng cách: + Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi tham gia các hoạt động... + Rửa mặt. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Vệ sinh môi trường.
MT4: Môi trường được vệ sinh đảm bảo: phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.	+ Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. + Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải: ngày/lần.
1.4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn	
MT5: Trẻ được khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Trẻ phát triển bình thường là ... Giảm tỷ lệ SDD... + Theo dõi, đánh giá sự phát triển SDD và béo phì	- Khám sức khỏe định kỳ 02 lần/ năm (tháng 09 và 03). Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi 03 lần/ năm (tháng 9, tháng 12 và tháng 3). Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
(nếu có).	
MT6: Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A. -Trẻ 18 tháng: + Trẻ trai: + Cân nặng: 10,9kg + Chiều cao: 82,3 cm +Trẻ gái: + Cân nặng: 10,2 kg + Chiều cao: 80,7 0cm - Trẻ 24 tháng: +Trẻ trai: + Cân nặng: 11,2 đến 14,0 (kg) + Chiều cao: 79,4 đến 85,4 cm +Trẻ gái: + Cân nặng: 10,6 đến 13,2 (kg) + Chiều cao: 83,3 đến 89,8 cm - Trẻ em được quyền chăm sóc sức khỏe toàn diện bao gồm cả y tế dự phòng và điều trị .	- Chế độ dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi. - Theo dõi sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng. + Cân trẻ 1 tháng 1 lần. + Đo trẻ 3 tháng 1 lần. - Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần trên năm học.
MT7: Trẻ được phòng tránh các dịch bệnh xảy ra tại lớp. Tiêm chủng theo quy định.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp (tay chân miệng, các dịch bệnh theo mùa: cúm A,B, bệnh thủy đậu...). - Tiêm chủng: uống các loại VTM, tiêm chủng theo chương trình của Y tế.
MT8: Trẻ được đảm bảo Phòng tránh một số tai nạn thương tích.	- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

2. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
2.1. Lĩnh vực phát triển thể chất	
Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	
MT9: Bắt chước một số động tác theo cô: giơ cao tay - đưa về phía trước – đưa sang ngang. Hô hấp hít thở. Trẻ biết tập luyện để cơ thể khỏe mạnh và con người có được trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau. - Lung, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên. - Chân: dang sang 2 bên, ngồi xuống, đứng lên. - Trẻ tập luyện để cơ thể khỏe mạnh và con người có được trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần.
Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu	
MT10: Giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8 - 2m.	- Tập đi. - Đi đến với cô. - Đi trong đường hẹp. - Bước qua vật cản. - Đi theo các hướng khác nhau. - Đi theo hiệu lệnh. - Đi có mang vật nhỏ trên tay.
MT11: Phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản.	- Bò trườn tới đích .
MT12: Trẻ biết bước lên xuống bậc thang.	- Tập bước lên xuống bậc thang.
MT13: Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: biết lăn - bắt bóng với cô.	- Ngồi lăn, tung bóng. - Lăn - bắt bóng với cô. - Lăn bóng bằng hai tay. - Lăn bóng vào đích.
MT14: Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được	- Ném bóng bằng một tay về phía trước 1,2m. - Đá bóng lăn xa 1,5m.

khoảng 1,2m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m.	- Ném bóng qua dây. - Đứng ném, tung bóng.
Thực hiện các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt	
MT15: Nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.	- Xoay bàn tay, cử động các ngón tay. - Nhặt đồ chơi, co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gõ, đập, đóng đồ vật. - Đóng mở nắp không ren, nắp có ren. - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.
MT16: Tháo lắp, lồng được 3 - 4 hộp tròn, xếp chồng được 2 - 3 khối trụ.	- Đóng mở nắp có ren. - Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông. - Xếp chồng 4 - 5 khối.
MT17: Trẻ biết vạch các nét nguệch ngoạc.	- Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.
Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe Có nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	
MT18: Trẻ thích nghi với chế độ ăn cháo, cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cháo, cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.
MT19: Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày.	- Nhận biết một số món ăn quen thuộc: Cơm, cháo, canh...
MT20: Trẻ biết thực hiện một số nề nếp thói quen tốt trong ăn uống, sinh hoạt.	- Tập luyện nề nếp, thói quen tốt trong vệ sinh: rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh.
MT21: Trẻ biết ngồi bô, biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.	- Luyện tập một số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn.
Thực hiện một số việc tự phục vụ giữ gìn sức khỏe	
MT22: Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (Ngồi vào bàn ăn; cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	- Tập tự ngồi vào bàn ăn. - Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn ngủ, vệ sinh.

Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	
MT23: Trẻ biết tránh vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở. Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở. - Trẻ em được bảo vệ an toàn trong điều kiện tốt nhất mọi lúc mọi nơi.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...). - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế..)
2.2. Lĩnh vực phát triển nhận thức	
Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan	
MT24: Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của các đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh tìm nơi phát ra âm thanh. - Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh. - Ngửi mùi, nếm vị của một số hoa, quả, thức ăn quen thuộc, gần gũi.
Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi	
MT25: Trẻ biết bắt chước hành động đơn giản của những người thân. - Trẻ em có quyền được bảo vệ, không xâm hại bạo lực về thể xác và tinh thần, không xâm hại tình dục.	- Trẻ biết một số bộ phận trên cơ thể mẹ, . mũi, miệng, tai, tay, chân.
MT26: Trẻ chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên của bản thân; hình ảnh của bản thân trong gương. - Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình , nhóm lớp.
MT27: Trẻ chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi.	- Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
MT28: Trẻ dùng điệu bộ/chỉ /lấy/nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật , phương tiện giao thông quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	- Đồ chơi, đồ dùng của bản thân. - Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Tên của phương tiện giao thông gần gũi. - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quả quen thuộc.
MT29: Trẻ chỉ hoặc lấy được đồ chơi màu đỏ hoặc	- Màu đỏ, xanh.

màu xanh.	- Kích thước to - nhỏ. - Thực hiện theo yêu cầu của cô hoặc người lớn.
2.3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
Nghe hiểu lời nói	
MT30: Trẻ nghe các giọng nói khác nhau, thực hiện được các yêu cầu đơn giản: Đi đến đây; Đi rửa tay; Đi đến chỗ con gấu;...	- Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh. - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.
MT31: Trẻ hiểu, dừng hành động khi được nhắc nhở.	- Hiểu được từ “không”: dừng hành động khi nghe “Không được lấy!”, “Không được sờ”,...
MT32: Trẻ trả lời được một số câu hỏi đơn giản: Ai đây? con gì đây? Cái gì đây...	- Nghe và trả lời các câu hỏi: “Ở đâu?”, “Con gì?”, “thế nào”, “Cái gì?”, “Làm gì?” - Đặt các câu hỏi: Làm gì? Con gì? Cái gì? Ở đâu? Thế nào?
Nghe nhắc lại các âm, các tiếng và các câu	
MT33: Trẻ thích nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh.	- Lắng nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh.
MT34: Trẻ nhắc lại các từ ngữ và câu ngắn: Con vịt, vịt bơi, bé đi chơi...	- Phát âm các âm khác nhau. - Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi. - Trả lời và đặt câu hỏi: “Con gì?”, “Cái gì?”... - <i>Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh và nhắc lại theo yêu cầu của cô.</i>
MT35: Trẻ biết đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	- Đọc theo cô tiếng cuối của câu thơ. - Đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ.
Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp	
MT36: Trẻ nói được câu đơn 2- 3 tiếng: Mẹ bế, mẹ bế bé, con đi chơi, mẹ đi làm. ...	- Nói câu đơn 2 - 3 tiếng thể hiện nhu cầu mong muốn của bản thân bằng câu đơn giản.
MT37: Trẻ chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (Con uống nước, con muốn,...). Trẻ biết bày tỏ nhu cầu, cảm xúc hiểu biết của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ một cách phù hợp trong các mối quan hệ.	- Thể hiện nhu cầu mong muốn của mình bằng 1 từ, câu đơn giản. - Trẻ bày tỏ nhu cầu, cảm xúc hiểu biết của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ một cách phù hợp trong các mối quan hệ

2.4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội, thẩm mỹ	
Biểu lộ sự nhận thức về bản thân	
MT38: Trẻ nhận ra bản thân trong gương trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).	- Nhận biết tên gọi, hình ảnh của bản thân.
Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người sự vật gần gũi	
MT39: Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.	- Giao tiếp với cô và bạn.
MT40: Trẻ biết cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui buồn sợ hãi của mình với những người xung quanh.	- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh.
MT41: Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Quan tâm đến các con vật nuôi
Thực hiện các hành vi xã hội đơn giản	
MT42: Trẻ biết chào, tạm biệt khi được nhắc nhở.	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp đơn giản: chào, tạm biệt, cảm ơn, nói từ "dạ", "ạ".
MT43: Trẻ biết bắt chước một vài hành vi xã hội (Bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	- Tập một vài hành vi xã hội (Bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).
MT44: Trẻ biết làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	- Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.
Thể hiện cảm xúc qua bài hát, vận động theo nhạc/ tô, vẽ nặn xếp hình, xem tranh	
MT45: Trẻ thích nghe hát và vận động nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay). <i>Trẻ thích nghe các bản nhạc không lời, các bài hát thiếu nhi tiếng Anh.</i>	- Nghe hát, nghe nhạc theo các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc. - <i>Nghe các bản nhạc không lời, các bài hát thiếu nhi tiếng Anh.</i>
MT46: Trẻ thích vẽ, xem tranh.	- Tập cầm bút vẽ. - Xem tranh.

3. DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

STT	Dự kiến các chủ đề giáo dục trong năm	Dự kiến thời gian và thời lượng thực hiện chủ đề
1	Bé và các bạn	4 tuần (Từ ngày 05/9/2024 đến 04/10/2024)
2	Mẹ và những người thân yêu của bé	4 tuần (Từ 07/10/2024 đến 01/11/2024)
3	Đồ chơi của bé	4 tuần (Từ ngày 04/11 đến 29/11/2024)
4	Các cô, bác trong trường mầm non	3 tuần (Từ 02/12/2024 đến 20/12/2024)
5	Cây và những bông hoa đẹp	4 tuần (Từ ngày 23/12 đến 17/01/2025)
6	Tết và mùa xuân	3 tuần (Từ 20/01/2025 – 21/02/2025) <i>Nghỉ tết Nguyên đán từ 28/01-07/02/2025</i>
7	Bé có thể đi khắp nơi bằng những phương tiện gì?	4 tuần (Từ ngày 24/02 - 21/3/2025)
8	Những con vật đáng yêu	4 tuần (Từ 24/03 - 18/4/2025)
9	Mùa hè đến rồi	3 tuần (Từ 21/04/ -9/05/2025)
10	Bác hồ với thiếu nhi	2 tuần (Từ 12/05/2025-23/05/2025)

*** DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN**

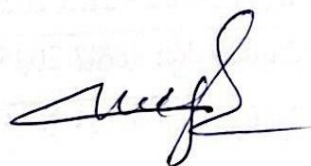
Thứ tự	Tên chủ đề dự kiến		Số tuần và thời gian thực hiện
1	Bé và các bạn		4 tuần (Từ ngày 05/9/2024 đến 04/10/2024)
	1	Bé và các bạn cùng chơi	1 tuần (Từ 05/9/2024 đến 13/9/2024)
	2	Tết trung thu	1 tuần (Từ 16/9/2024 đến 20/9/2024)
	3	Bé biết nhiều thứ	1 tuần (Từ 23/9/2024 đến 27/9/2024)
	4	Bé thích chơi gì	1 tuần (từ 30/9/2024 đến 04/10/2024)
2	Mẹ và những người thân yêu của bé		4 tuần (Từ 07/10/2024 đến 01/11/2024)
	5	Ngày phụ nữ Việt Nam	1 tuần (Từ 07/10/2024 đến 11/10/2024)
	6	Mẹ của bé	1 tuần (Từ 14/10/2024 đến 18/10/2024)
	7	Bé và những người thân yêu của bé	1 tuần (Từ 21/10/2024 đến 25/10/2024)
	8	Ngôi nhà của bé	1 tuần (Từ 28/10 đến 01/11/2024)
3	Đồ chơi của bé		4 tuần (Từ ngày 04/11 đến 29/11/2024)
	9	Đồ dùng thân thuộc của bé ở lớp	1 tuần (Từ ngày 04/11 đến 08/11/2024)
	10	Đồ chơi lắp ghép xây dựng	1 tuần (Từ ngày 11/11 đến 15/11/2024)
	11	Ngày hội của thầy, cô giáo	1 tuần (Từ 18/11/2024 đến 22/11/2024)
	12	Đồ chơi trong gia đình	1 tuần (Từ 25/11/2024 đến 29/11/2024)
4	Các cô, bác trong trường mầm non		3 tuần(Từ 02/12/2024 đến 27/12/2024)
	13	Các cô các bác trong trường của bé	1 tuần (Từ 02/12/2024 đến 06/12/2024)

	14	Các cô, các bác cấp dưỡng của bé	1 tuần (Từ 09/12/2024 đến 13/12/2024)
	15	Ngày TLQĐND Việt Nam 22/12	1 tuần (Từ 16/12/2024 đến 20/12/2024)
	16	Cô giáo của em	1 tuần (Từ 23/12/2024 đến 27/12/2024)
5	Cây và những bông hoa đẹp		3 tuần (Từ ngày 30/12 đến 17/01/2025)
	17	Những bông hoa đẹp	1 tuần (Từ 30/12/2024 đến 03/01/2025)
	18	Cây ăn quả	1 tuần (Từ 06/01/2025 đến 10/01/2025)
	18	Vườn rau ăn lá của bé	1 tuần (Từ 13/01/2025 đến 17/01/2025)
6	Tết và mùa xuân		3 tuần (Từ 20/01/2025 – 21/02/2025)
	19	Bé mong đón tết	1 tuần (Từ 20/1/2025 đến 24/1/2025)
		<i>Nghỉ tết</i>	(Từ 27/01/2025 đến 07/02/2025)
	20	Ngày Tết quê em	1 tuần (Từ 10/02/2024 đến 14/02/2025)
	21	Mùa xuân đến rồi	1 tuần (Từ 17/02/2025 đến 21/02/2025)
7	Bé có thể đi khắp nơi bằng những phương tiện gì		4 tuần (Từ ngày 24/02 - 21/3/2025)
	22	PTGT đường bộ	1 tuần (Từ 24/02/2025 đến 28/02/2025)
	23	Ngày hội của bà, mẹ, của mẹ	1 tuần (Từ 03/03/2025 đến 07/03/2025)
	24	PTGT đường thủy	1 tuần (Từ 10/03/2025 đến 14/03/2025)
	25	PTGT đường sắt	1 tuần (Từ 17/03/2025 đến 21/03/2025)
8	Những con vật đáng yêu		4 tuần (Từ 24/03 - 18/4/2025)
	26	Một số con vật thuộc lớp thú	1 tuần (Từ 24/03/2025 đến 28/03/2025)

	27	Một số con vật thuộc lớp chim	1 tuần (Từ 31/3/2025 đến 04/04/2025)
	28	Một số con vật thuộc lớp cá	1 tuần (Từ 07/04/2025 đến 11/04/2025)
	29	Một số loài côn trùng	1 tuần (Từ 14/4/2025 đến 18/04/2025)
	Mùa hè đến rồi		4 tuần (Từ 21/04/ -16/05/2025)
9	31	Mùa hè đến rồi	1 tuần (Từ 21/04/2025 đến 25/04/2025)
	32	Thời tiết mùa hè	1 tuần (Từ 28/04/2025 đến 02/05/2025)
	33	Quần áo trang phục mùa hè	1 tuần (Từ 05/05/2025 đến 09/05/2025)
10		Bác hồ với thiếu nhi	2 tuần(Từ 12/05/2025-23/05/2025)
	34	Bác Hồ kính yêu	1 tuần (Từ 12/05/2025-16/05/2025)
	35	Tình cảm của Bác dành cho các cháu nhi đồng	1 tuần (Từ 19/05/2025 đến 23/05/2025)
Tổng cộng			35 tuần

4. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch (Có phiếu kèm theo)

GIÁO VIÊN THỰC HIỆN



Phạm Thị Quyên

XÁC NHẬN TỔ CHUYÊN MÔN

Tổ trưởng



Lê Thị Thủy

XÁC NHẬN CỦA BGH

PHT



Lê Thị Mai Hương